

Số: 17/2026/TT-BXD

Hà Nội, ngày 29 tháng 4 năm 2026

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 14/2025/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ Xây dựng quy định về đào tạo lái xe; bồi dưỡng, kiểm tra, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ

Căn cứ Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 10 luật có liên quan đến an ninh trật tự số 118/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 94/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định về hoạt động đào tạo và sát hạch lái xe;

Căn cứ Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Vận tải và An toàn giao thông và Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam,

Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 14/2025/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về đào tạo lái xe; bồi dưỡng, kiểm tra, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 5

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 5 như sau:

“1. Khối lượng chương trình và phân bổ thời gian đào tạo tối thiểu:

STT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ TÍNH	HẠNG GIẤY PHÉP LÁI XE		
			Hạng A1	Hạng A	Hạng B1
I	Đào tạo lý thuyết		9	20	36
1	Pháp luật về giao thông đường bộ	giờ	7	16	28
2	Cấu tạo và sửa chữa thông thường	giờ	-	-	4
3	Kỹ thuật lái xe	giờ	2	4	4
II	Đào tạo thực hành		3	12	8
4	Thời gian học thực hành lái xe của 01 học viên	giờ	3	12	8

5	Quãng đường học thực hành lái xe của 01 học viên	km	-	-	60
	Tổng thời gian đào tạo	giờ	12	32	44

”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 4 Điều 5 như sau:

“a) Đối với đào tạo lái xe hạng B1: cơ sở đào tạo lái xe tổ chức kiểm tra nội dung đào tạo lý thuyết và thực hành để xét hoàn thành khóa đào tạo, gồm: nội dung đào tạo lý thuyết theo bộ câu hỏi sát hạch lý thuyết do Bộ Công an ban hành; nội dung đào tạo thực hành lái xe với bài tiến lùi hình chữ chi.

Quy trình kiểm tra, đánh giá kết quả hoàn thành khóa đào tạo: nội dung đào tạo lý thuyết và thực hành của học viên theo quy trình sát hạch lái xe do Bộ Công an ban hành.

Xét hoàn thành khóa đào tạo: người học lái xe có điểm kiểm tra đạt yêu cầu với hạng tương ứng theo quy trình sát hạch lái xe do Bộ Công an ban hành;”.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 6

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 6 như sau:

“1. Khối lượng chương trình và phân bổ thời gian đào tạo tối thiểu:

STT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ TÍNH	HẠNG GIẤY PHÉP LÁI XE		
			Hạng B		Hạng C1
			Học xe chuyên số tự động (bao gồm cả xe ô tô điện)	Học xe chuyên số cơ khí (số sàn)	
I. Đào tạo lý thuyết		giờ	136	152	152
1	Pháp luật về giao thông đường bộ	giờ	90	90	90
2	Cấu tạo và sửa chữa thông thường	giờ	8	18	18
3	Đạo đức, văn hóa giao thông và phòng chống tác hại của rượu, bia khi tham gia giao thông	giờ	10	16	16
	Kỹ năng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ	giờ	4	4	4
4	Kỹ thuật lái xe	giờ	20	20	20
5	Học phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông	giờ	4	4	4
II. Đào tạo thực hành		giờ	60	76	85

1	Thời gian học thực hành lái xe trên sân tập lái của 01 học viên	giờ	34	34	35
2	Thời gian học thực hành lái xe trên đường giao thông của 01 học viên	giờ	24	40	48
3	Thời gian học thực hành trên cabin học lái xe ô tô của 01 học viên	giờ	2	2	2
4	Tổng quãng đường học thực hành của 01 học viên	km	950	1.050	1.050
Trong đó	Quãng đường học thực hành lái xe trên sân tập lái của 01 học viên	km	240	240	225
	Quãng đường học thực hành lái xe trên đường giao thông của 01 học viên	km	710	810	825
III. Tổng thời gian đào tạo		giờ	196	228	237

”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 6 như sau:

“a) Cơ sở đào tạo lái xe tổ chức kiểm tra để xét hoàn thành khóa đào tạo, gồm: nội dung đào tạo lý thuyết theo bộ câu hỏi sát hạch lý thuyết do Bộ Công an ban hành; nội dung đào tạo mô phỏng các tình huống giao thông; nội dung đào tạo thực hành lái xe với bài liên hoàn, bài tiến lùi hình chữ chi và lái xe trên đường;

b) Người học lái xe được kiểm tra để xét hoàn thành khóa đào tạo khi tham dự tối thiểu 70% thời gian học nội dung đào tạo lý thuyết; tham dự đủ thời gian và tối thiểu 50% quãng đường học thực hành lái xe trên sân tập lái; tham dự đủ quãng đường và tối thiểu 50% thời gian học thực hành lái xe trên đường;

c) Quy trình kiểm tra và đánh giá kết quả hoàn thành khóa đào tạo: nội dung đào tạo lý thuyết, thực hành lái xe với bài liên hoàn và lái xe trên đường theo quy trình sát hạch lái xe do Bộ Công an ban hành; nội dung đào tạo mô phỏng các tình huống giao thông theo quy định tại Phụ lục XXVIII ban hành kèm theo Thông tư này với thang điểm 10 (từ 1 đến 10) có tính đến hàng thập phân 1 con số; nội dung đào tạo bài tiến lùi chữ chi theo quy định tại Phụ lục XXIX ban hành kèm theo Thông tư này với thang điểm 10 (từ 1 đến 10) có tính đến hàng thập phân 1 con số;

d) Xét hoàn thành khóa đào tạo: người học lái xe có điểm kiểm tra nội dung đào tạo lý thuyết, nội dung đào tạo thực hành lái xe với bài liên hoàn và lái xe trên đường đạt yêu cầu với hạng tương ứng theo quy trình sát hạch lái xe do Bộ Công an ban hành; nội dung đào tạo mô phỏng các tình huống giao thông, đào tạo thực hành lái xe với bài tiến lùi chữ chi đạt từ 5,0 trở lên.”.

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 7

1. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 Điều 7 như sau:

“c) Bảng số 3:

STT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ TÍNH	HẠNG GIẤY PHÉP LÁI XE			
			C lên D1	C lên D2	C lên D	C, D1, D2 và D lên CE
I. Đào tạo lý thuyết		giờ	20	24	48	40
1	Pháp luật về giao thông đường bộ	giờ	8	10	20	16
2	Kiến thức mới về xe nâng hạng	giờ	4	4	8	8
3	Đạo đức, văn hóa giao thông và phòng chống tác hại của rượu, bia khi tham gia giao thông	giờ	3	5	14	10
	Kỹ năng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ	giờ	4	4	4	4
4	Học phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông	giờ	1	1	2	2
II. Đào tạo thực hành		giờ	9	14	27	17
1	Thời gian học thực hành lái xe trên sân tập lái của 01 học viên	giờ	4	6	12	7
2	Thời gian học thực hành lái xe trên đường giao thông của 01 học viên	giờ	5	8	15	10
3	Tổng quãng đường học thực hành của 01 học viên	km	120	190	380	240
Trong đó	Quãng đường học thực hành lái xe trên sân tập lái của 01 học viên	km	15	26	52	30
	Quãng đường học thực hành lái xe trên đường giao thông của 01 học viên	km	105	164	328	210
III. Tổng thời gian đào tạo		giờ	29	38	75	57

”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 7 như sau:

“4. Kiểm tra hoàn thành khóa đào tạo

a) Cơ sở đào tạo lái xe tổ chức kiểm tra để xét hoàn thành khóa đào tạo, gồm: nội dung đào tạo lý thuyết theo bộ câu hỏi sát hạch lý thuyết do Bộ Công an ban hành; nội dung đào tạo mô phỏng các tình huống giao thông; nội dung đào

tạo thực hành lái xe các hạng C, D1, D2, D với bài liên hoàn, bài tiến lùi chữ chi và lái xe trên đường; nội dung đào tạo thực hành lái xe các hạng BE, C1E, CE, D1E, D2E, DE với bài liên hoàn và lái xe trên đường;

b) Người học lái xe được kiểm tra để xét hoàn thành khóa đào tạo khi tham dự tối thiểu 70% thời gian học nội dung đào tạo lý thuyết; tham dự đủ thời gian và tối thiểu 50% quãng đường học thực hành lái xe trên sân tập lái; tham dự đủ quãng đường và tối thiểu 50% thời gian học thực hành lái xe trên đường;

c) Quy trình kiểm tra và đánh giá kết quả hoàn thành khóa đào tạo: nội dung đào tạo lý thuyết, thực hành lái xe với bài liên hoàn và lái xe trên đường theo quy trình sát hạch lái xe do Bộ Công an ban hành; nội dung đào tạo mô phỏng các tình huống giao thông theo quy định tại Phụ lục XXVIII ban hành kèm theo Thông tư này với thang điểm 10 (từ 1 đến 10) có tính đến hàng thập phân 1 con số; nội dung đào tạo bài tiến lùi chữ chi theo quy định tại Phụ lục XXIX ban hành kèm theo Thông tư này với thang điểm 10 (từ 1 đến 10) có tính đến hàng thập phân 1 con số;

d) Xét hoàn thành khóa đào tạo: người học lái xe có điểm kiểm tra nội dung đào tạo lý thuyết, nội dung đào tạo thực hành lái xe với bài liên hoàn và lái xe trên đường đạt yêu cầu với hạng tương ứng theo quy trình sát hạch lái xe do Bộ Công an ban hành; nội dung đào tạo mô phỏng các tình huống giao thông, đào tạo thực hành lái xe với bài tiến lùi chữ chi đạt từ 5,0 trở lên.”.

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 của Điều 9

"3. Cơ sở đào tạo lái xe mô tô các hạng A1, A, B1 sử dụng các tài liệu quy định tại điểm a, điểm e và điểm g khoản 2 Điều này làm tài liệu quản lý đào tạo."

Điều 5. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 của Điều 13

"2. Người học lái xe để nâng hạng giấy phép lái xe phải đáp ứng theo quy định tại khoản 4 Điều 60 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15; trong đó, thời gian lái xe an toàn cho từng hạng giấy phép lái xe được quy định cụ thể như sau:

a) Hạng B lên C1, B lên C, B lên D1, B lên BE, C1 lên C, C1 lên D1, C1 lên D2, C1 lên C1E, C lên D1, C lên D2, D1 lên D2, D1 lên D, D1 lên D1E, D2 lên D, D2 lên D2E, D lên CE, D lên DE: thời gian lái xe an toàn từ 02 năm trở lên;

b) Hạng B lên D2, D1 lên CE, D2 lên CE, C lên CE, C lên D: thời gian lái xe an toàn từ 03 năm trở lên.”.

Điều 6. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 của Điều 14

"b) Bản sao xác nhận hoàn thành chương trình giáo dục trung học cơ sở trở lên hoặc bằng tốt nghiệp trung học cơ sở trở lên đối với trường hợp nâng hạng giấy phép lái xe lên các hạng D1, D2 và D (xuất trình bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc);”.

Điều 7. Sửa đổi, bổ sung Điều 22

“Điều 22. Cấp chứng chỉ

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả kiểm tra đạt yêu cầu, người đứng đầu cơ sở bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cấp chứng chỉ cho người học bằng bản giấy hoặc bản điện tử; trường hợp trả bằng bản điện tử thì đăng tải trên Hệ thống thông tin chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ tại cơ sở bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ để cá nhân in hoặc lưu trữ trên thiết bị điện tử.”

Điều 8. Sửa đổi, bổ sung một số điểm của khoản 3 Điều 23

1. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 Điều 23 như sau:

“a) Cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ đến cơ sở bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ đã cấp chứng chỉ; trường hợp cơ sở bồi dưỡng đã cấp chứng chỉ không còn hoạt động thì cá nhân nộp cho Sở Xây dựng nơi quản lý cơ sở bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ đã cấp chứng chỉ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh hoặc cấp xã bằng hình thức trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua cổng dịch vụ công quốc gia.”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 3 Điều 23 như sau:

“c) Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, người đứng đầu cơ sở bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ hoặc Sở Xây dựng cấp lại chứng chỉ; trường hợp không cấp lại chứng chỉ thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;”.

3. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 3 Điều 23 như sau:

“d) Việc trả chứng chỉ bản giấy được thực hiện tại cơ sở bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ; trường hợp trả bản điện tử thì đăng tải trên Hệ thống thông tin chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ tại cơ sở bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ.

Trường hợp do Sở Xây dựng cấp thì trả bản điện tử bằng một trong các hình thức: qua Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh hoặc cấp xã; trường hợp cá nhân có nhu cầu nhận bản giấy thì được cấp bổ sung.”.

Điều 9. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 27

1. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 27 như sau:

“b) Dữ liệu cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ lưu trữ tối thiểu là 50 năm.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 27 như sau:

“3. Thời gian lưu trữ dữ liệu tại cơ sở bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ: dữ liệu về bồi dưỡng, kiểm tra bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ lưu trữ tối thiểu là 03 năm; dữ liệu cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ lưu trữ tối thiểu là 50 năm.”.

Điều 10. Bổ sung điểm d vào khoản 1 Điều 28

“d) Định kỳ hàng năm, rà soát để cập nhật, bổ sung và công bố danh mục, dấu hiệu nhận biết và phương án xử lý các tình huống giao thông.”.

Điều 11. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 29

1. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 Điều 29 như sau:

“b) Vận hành Hệ thống thông tin quản lý, giám sát đào tạo lái xe và Hệ thống thông tin chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ tại Sở Xây dựng theo quy định;”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 3 Điều 29 như sau:

“d) Sử dụng dữ liệu trên Hệ thống thông tin quản lý, giám sát đào tạo lái xe và Hệ thống thông tin chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ tại Sở Xây dựng, tại cơ sở đào tạo lái xe và tại cơ sở bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ để phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra, cung cấp thông tin cho các cơ quan chức năng khi có yêu cầu;”.

Điều 12. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 30

1. Sửa đổi, bổ sung điểm e khoản 1 Điều 30 như sau:

“e) Tổ chức đào tạo mới, đào tạo nâng hạng giấy phép lái xe bảo đảm thực hiện theo lưu lượng, địa điểm, hạng giấy phép lái xe ghi trong giấy phép đào tạo lái xe đối với cơ sở đào tạo lái xe ô tô hoặc phương án đào tạo lái xe mô tô đối với cơ sở đào tạo lái xe mô tô và cấp giấy xác nhận hoàn thành khóa đào tạo cho người đạt yêu cầu theo mẫu quy định tại Phụ lục XIX ban hành kèm theo Thông tư này; bố trí số lượng học viên học thực hành đối với mỗi hạng giấy phép lái xe không vượt quá khả năng đáp ứng về số xe tập lái và giáo viên dạy thực hành lái xe của cơ sở đào tạo;”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm k khoản 1 Điều 30 như sau:

“k) Sử dụng kết quả theo dõi quá trình học, kết quả kiểm tra, kết quả học thực hành lái xe trên đường thông qua dữ liệu DAT, dữ liệu quản lý DAT trên Hệ thống thông tin quản lý, giám sát đào tạo lái xe tại cơ sở đào tạo lái xe và Hệ thống thông tin quản lý, giám sát đào tạo lái xe tại Cục Đường bộ Việt Nam, kết quả học thực hành lái xe trên cabin học lái xe (được kết xuất từ cabin học lái xe ô tô) để phục vụ công tác quản lý đào tạo lái xe ô tô, xét hoàn thành khóa đào tạo lái xe cho người học lái xe ô tô, bảo đảm nội dung, thời gian, quãng đường đào tạo theo quy định tại Điều 6, Điều 7 Thông tư này; sử dụng kết quả theo dõi quá trình học, kết quả kiểm tra (đối với hạng B1) để phục vụ công tác quản lý đào tạo lái xe mô tô, xét hoàn thành khóa đào tạo lái xe cho người học lái xe mô tô, bảo đảm nội dung, thời gian đào tạo theo quy định tại Điều 5 Thông tư này;”.

3. Sửa đổi, bổ sung điểm o khoản 1 Điều 30 như sau:

“o) Gửi danh sách và chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác đối với thông tin học viên được cấp giấy xác nhận hoàn thành khóa đào tạo lái xe về Sở Xây dựng trong thời gian không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày cấp giấy xác

nhận hoàn thành khóa đào tạo lái xe và gửi cho cơ quan quản lý sát hạch của ngành Công an khi có yêu cầu.”.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 30 như sau:

“2. Đối với công tác quản lý hệ thống thông tin:

a) Đầu tư, bảo trì, nâng cấp Hệ thống thông tin quản lý, giám sát đào tạo lái xe tại cơ sở đào tạo lái xe; tiếp nhận, tổ chức thực hiện phần mềm ứng dụng phục vụ công tác quản lý, giám sát đào tạo lái xe tại cơ sở đào tạo lái xe do Cục Đường bộ Việt Nam chuyên giao và thực hiện truyền đầy đủ dữ liệu quy định tại các điểm a, điểm b, điểm g và điểm h khoản 1 Điều 25 về Sở Xây dựng;

b) Vận hành Hệ thống thông tin quản lý, giám sát đào tạo lái xe tại cơ sở đào tạo lái xe theo quy định;

c) Tạo lập, đối chiếu, chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin học viên, quá trình đào tạo, kết quả đào tạo, báo cáo đăng ký khóa đào tạo lái xe theo quy định;

d) Lưu trữ đầy đủ các thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Thông tư này và quy định của pháp luật về lưu trữ;

đ) Ban hành quy chế vận hành và bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; quy chế sử dụng tài khoản và khai thác dữ liệu đối với hệ thống thông tin của cơ sở đào tạo và các hệ thống thông tin được chia sẻ theo các quy định của pháp luật về công nghệ thông tin và an toàn thông tin mạng;

e) Cung cấp dữ liệu trên Hệ thống thông tin quản lý, giám sát đào tạo lái xe tại cơ sở đào tạo lái xe để phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra và cung cấp thông tin cho các cơ quan chức năng khi có yêu cầu.”.

Điều 13. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 của Điều 31

“2. Đối với công tác quản lý hệ thống thông tin:

a) Đầu tư, bảo trì, nâng cấp Hệ thống thông tin chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ tại cơ sở bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ; tiếp nhận, tổ chức thực hiện phần mềm ứng dụng phục vụ công tác quản lý cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ do Cục Đường bộ Việt Nam chuyên giao và thực hiện truyền đầy đủ dữ liệu quy định tại điểm a khoản 4 Điều 25 về Sở Xây dựng;

b) Vận hành Hệ thống thông tin chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ tại cơ sở bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ theo quy định;

c) Tạo lập, đối chiếu, chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin học viên, kết quả kiểm tra cấp chứng chỉ theo quy định;

d) Lưu trữ đầy đủ các thông tin theo quy định tại khoản 3 Điều 27 Thông tư này và quy định của pháp luật về lưu trữ;

đ) Ban hành quy chế vận hành và bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; quy chế sử dụng tài khoản và khai thác dữ liệu đối với hệ thống thông tin của cơ sở bồi dưỡng và các hệ thống thông tin được chia sẻ theo các quy định của pháp luật về công nghệ thông tin và an toàn thông tin mạng;

e) Cung cấp dữ liệu trên Hệ thống thông tin chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ tại cơ sở bồi dưỡng để phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra và cung cấp thông tin cho các cơ quan chức năng khi có yêu cầu.”.

Điều 14. Bổ sung, thay thế một số Phụ lục quy định tại Thông tư số 14/2025/TT-BXD

1. Bổ sung một số Phụ lục vào Thông tư số 14/2025/TT-BXD như sau:

a) Bổ sung Phụ lục XXVIII vào Thông tư số 14/2025/TT-BXD bằng Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bổ sung Phụ lục XXIX vào Thông tư số 14/2025/TT-BXD bằng Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Thay thế một số Phụ lục quy định tại Thông tư số 14/2025/TT-BXD như sau:

a) Thay thế Phụ lục I quy định tại Thông tư số 14/2025/TT-BXD bằng Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Thay thế Phụ lục II quy định tại Thông tư số 14/2025/TT-BXD bằng Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Thay thế Phụ lục XV quy định tại Thông tư số 14/2025/TT-BXD bằng Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này;

d) Thay thế Phụ lục XVI quy định tại Thông tư số 14/2025/TT-BXD bằng Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này;

đ) Thay thế Phụ lục XIX quy định tại Thông tư số 14/2025/TT-BXD bằng Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này;

e) Thay thế Mẫu số 2 Phụ lục XXII quy định tại Thông tư số 14/2025/TT-BXD bằng Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư này;

g) Thay thế Phụ lục XXVII quy định tại Thông tư số 14/2025/TT-BXD bằng Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 15. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với các khóa đào tạo đã khai giảng trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành nhưng chưa thực hiện việc kiểm tra hoàn thành khóa đào tạo trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì cơ sở đào tạo đánh giá kết quả học tập nội dung đào tạo lý thuyết và thực hành của học viên để xét hoàn thành khóa đào tạo theo quy định tại Thông tư số 14/2025/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

2. Đối với giấy xác nhận hoàn thành khóa đào tạo, chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ đã cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục được sử dụng theo quy định.

Điều 16. Điều khoản thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố;
- Các Thứ trưởng Bộ Xây dựng;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý XLVPHC (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Xây dựng;
- Báo Xây dựng, Tạp chí Xây dựng;
- Các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Xây dựng;
- Sở Xây dựng các tỉnh, thành phố;
- Lưu: VT, VT&ATGT.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lê Anh Tuấn